

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- LÀO CAI**

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-04-2026
V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sơn Thạch và ông Lương Kiều Vũ

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2-
Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 –Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hà Chí Kiên– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXX-ST ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 15/TB-TA ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1994; CCCD: 015194001926

Bị đơn: Anh Ngôn Văn T, sinh năm 1989; CCCD: 015089007306

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai

(Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T triệu tập hợp lệ lần hai, vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Y trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Ngôn Văn T tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái (nay là Ủy ban nhân dân

xã B, tỉnh Lào Cai) ngày 21-12-2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2-3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bản thân chị đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không có kết quả. Sau khi chị làm đơn xin ly hôn thì anh T biết chuyện và đã nhận được các văn bản của Tòa án, tuy nhiên anh T không đồng ý ly hôn, không đến Tòa án. Bản thân anh T không muốn ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, chị cũng đã để cho anh T một thời gian để hàn gắn tình cảm khắc phục mâu thuẫn, nhưng đến nay vẫn không có kết quả. Chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 4-2025, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngôn Văn T.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung là Ngôn Quỳnh P, sinh ngày 25-8-2012 và Ngôn Mạnh H, sinh ngày 14-9-2016.

Đối với cháu Ngôn Quỳnh P có nguyện vọng ở với anh Ngôn Văn T, tuy nhiên anh Ngôn Văn T không đến Tòa án để giải quyết nên không thể hiện quan điểm nguyện vọng về việc nuôi con. Do vậy, để đảm bảo mọi quyền lợi cho các con, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về nghề nghiệp thu nhập: Hiện chị làm công nhân của Công ty T1, thu nhập trung bình từ 450.000 đồng đến 500.000 đồng/ngày. Chị xác định đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

* Ý kiến của con chung: Cháu Ngôn Quỳnh P có nguyện vọng ở với bố là Ngôn Văn T; cháu Ngôn Mạnh H có nguyện vọng ở với mẹ là Nguyễn Thị Y.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được

đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Y để xử cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn với anh Ngôn Văn T; Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Ngôn Quỳnh P, sinh ngày 25-8-2012 và Ngôn Mạnh H, sinh ngày 14-9-2016 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Ngôn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Ngôn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Y thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Lào Cai.

Chị Nguyễn Thị Y và anh Ngôn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2- Lào Cai xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Y và anh Ngôn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lào Cai) ngày 21-12-2011, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Y xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bản thân chị cũng đã tìm nhiều biện pháp khắc phục tình cảm vợ chồng, cũng tạo điều kiện cho anh T thay đổi bản thân nhưng anh T không có thiện chí. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4- 2025 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập anh T đến để hòa giải nhưng anh T không đến, cho thấy anh T không có thiện chí hòa giải. Từ đó có căn cứ

cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Ngôn Văn T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Y là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Ngôn Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Chị Y và anh T có 02 con chung là Ngôn Quỳnh P, sinh ngày 25-8-2012 và Ngôn Mạnh H, sinh ngày 14-9-2016. Mặc dù, cháu P có nguyện vọng ở với bố nhưng anh T không đến Tòa án, không thể hiện nguyện vọng về nuôi con chung. Mặt khác, chị Y đã cung cấp được xác nhận hiện nay có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chưa thành niên cần giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị Y là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Y không yêu cầu.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện, thực tế khách quan của các đương sự nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Ngôn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Ngôn Quỳnh P, sinh ngày 25-8-2012 và Ngôn Mạnh H, sinh ngày 14-9-2016 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Ngôn Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí

ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số: 0002355 ngày 23-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh L (Chị Y đã nộp đủ án phí).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 - Lào Cai;
- THADS khu vực 2- Lào Cai;
- UBND xã Bảo Ái, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Thanh Nga